

Bản án số: 137/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 364/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T sinh năm 1986; địa chỉ: số B đường X, khu E, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- Bị đơn: Ông Đinh Văn G, sinh năm 1976; địa chỉ: số B đường X, khu E, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Lê Thị T1** bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thị T2** ông **Đinh Văn G1** nguyện yêu nhau, tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm, sau đó tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn N**, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyền số 01/2009 cấp ngày 10/02/2009, hôn nhân là tự nguyện và có sự chấp thuận của gia đình hai bên.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do ông **Đinh Văn G2** tình cảm với người phụ nữ khác và ông **Đinh Văn G2** hành vi đánh đập bà **Lê Thị Tuyết m** vợ chồng cãi, sau khi bà **T3** đơn đề nghị ly hôn thì vợ chồng đã thỏa thuận chia tài sản chung. Nay, bà Lê Thị T xác định cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục cùng nhau xây dựng gia đình nên bà Lê Thị T yêu cầu được ly hôn với ông **Đinh Văn G**

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà **Lê Thị T2** ông **Đinh Văn G2** 02 con chung là **Đinh Lê Kim N** ngày 06/3/2009; **Đinh Lê P** T1 sinh ngày 08/11/2014. Sau ly hôn, bà **Lê Thị T4** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con và yêu cầu ông **Đinh Văn G2** nghĩa vụ cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/cháu, tổng cộng 02 cháu là 6.000.000 đồng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 07/8/2024, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông **Đinh Văn G3** bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông **Đinh Văn G4** nhất với lời khai của bà **Lê Thị T5** quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và thời gian chung sống. Theo ông **G5** thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất. Trước đây ông G có nhắn tin tình cảm với người phụ nữ khác trong vòng vài tháng nhưng sau khi bị bà **Lê Thị T6** hiện đã chấm dứt. Khi hai vợ chồng cãi vã thì vợ chồng có đánh nhau chứ không phải một mình ông **Đinh Văn G6** vợ. Ông **Đinh Văn G7** định yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn mà đề nghị cho thời gian để vợ chồng trao đổi đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Ông **Đinh Văn G4** nhất với lời khai của bà **Lê Thị T5** số con chung và họ tên, ngày tháng năm sinh của các con chung. Ông **Đinh Văn G** không đồng ý ly hôn nhưng trong trường hợp Tòa án cho vợ chồng ly hôn thì ông **Đinh Văn G2** nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu bà **Lê Thị T** cấp d nuôi con là 3.000.000 đồng/ tháng/ cháu, tổng cộng 02 cháu là 6.000.000 đồng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Nếu trong trường hợp Tòa án giao 02 con chung cho bà **Lê Thị T7** ông **Đinh Văn G8** dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu, tổng cộng 02 cháu là 6.000.000 đồng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà **Lê Thị T2** ông **Đinh Văn G** do Tòa án tiến hành, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:* Bà **Lê Thị T2** ông **Đinh Văn G9** khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án không

yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố, nhân dân phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thị T2** ông **Đinh Văn G** tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/2009 cấp ngày 10/02/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà **Lê Thị T8** đơn xác định quá trình chung sống, **vợ chồng sống hạnh phúc, có những mâu thuẫn nhỏ. Đến năm 2022**, xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân là do ông **Đinh Văn G2** tình cảm với người phụ nữ khác và ông **Đinh Văn G2** hành vi đánh đập bà **Lê Thị Tuyết m** vợ chồng cãi vã. Ông **Đinh Văn G10** nhận trước đây có nhấn tin tình cảm với người phụ nữ khác nhưng chỉ diễn ra trong vòng 06 tháng, sau đó đã chấm dứt, việc ông **Đinh Văn G6** bà **Lê Thị T9** có thật nhưng do bà **T10** đánh ông G ông Giáp xác đvẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Xét quan hệ hôn nhân giữa ông **Đinh Văn G11** bà **Lê Thị T11** xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có sự chia sẻ, không quan tâm đến nhau, không tin tưởng lòng chung thủy của nhau, thường xuyên đánh nhau, ông **Đinh Văn G2** hành vi bạo lực với bà **Lê Thị Tuyết**. Ông **Đinh Văn G12** đồng ý ly hôn nhưng trong cuộc sống hôn nhân của ông **G11** bà **T6** sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, mục đích hôn nhân giữa bà **Lê Thị T2** ông **Đinh Văn G12** đạt được. Vì vậy, bà **Lê Thị T12** cầu được ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Lê Thị T**

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà **Lê Thị T2** ông **Đinh Văn G** có 02 con chung là **Đinh Lê Kim N** ngày 06/3/2009; **Đinh Lê P** T1sinh ngày 08/11/2014. Sau ly hôn, bà **Lê Thị T** và ông **Đinh Văn G13** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Xét thấy, 02 con chung của ông **Đinh Văn G11** bà **Lê Thị T13** là con gái, đang trong độ tuổi phát

triển tâm sinh lý nên cần sự nuôi dưỡng và dạy dỗ trực tiếp từ người mẹ, đồng thời tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 07/8/2024, cả 02 cháu đều mong muốn được ở với mẹ nên giao các cháu **Đinh Lê Kim N1** **Lê Phương T14** cho bà **Lê Thị T15** tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông **Đinh Văn G14** quyền thăm nom các con chung.

[4] Về cấp dưỡng: Bà **Lê Thị T12** cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 3.000.000 đồng/1 tháng, được ông **Đinh Văn G4** nhất. Đồng thời mức cấp dưỡng này là phù hợp mức trung bình tại địa phương và thu nhập của ông **G15** vậy có căn cứ chấp nhận về việc ông **Đinh Văn G2** nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng/cháu, tổng cộng 02 cháu là 6.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn và ông **Đinh Văn G16** án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Thị T5** việc ly hôn với bị đơn ông **Đinh Văn G**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông **Đinh Văn G** (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn N**, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/2009 cấp ngày 10/02/2009).

- Về con chung: Giao 02 cháu **Đinh Lê Kim N** ngày 06/3/2009 và **Đinh Lê P T1** sinh ngày 08/11/2014 cho bà **Lê Thị T15** tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, bà Lê Thị T và ông **Đinh Văn G** có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **Đinh Văn G2** nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên **Đinh Lê Kim N** ngày 06/3/2009, mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng và cấp dưỡng nuôi con chung tên **Đinh Lê P** T1sinh ngày 08/11/2014, mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001323 ngày 30/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông **Đinh Văn G17** chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Thị Uyên